

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHIÊM HOÁ
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 25-3-2021

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phúc An Hoàn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Ngọc Hưng

2. Bà Nguyễn Thị Bích Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bàn Thị Bích Duyên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Ma Công Liêu, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 311/2020/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2021, quyết định hoãn phiên tòa số 11/2021/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nông Văn N, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện C, tỉnh T, vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị Lý Thị T, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện C, tỉnh T, vắng mặt, phiên tòa triệu tập lần thứ 02.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án và tại đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn anh Nông Văn N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lý Thị T được tự do tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân và không bị ai cưỡng ép lừa dối kết hôn, đã đăng ký kết hôn ngày 12/11/2015 tại UBND xã P, huyện C, tỉnh T. Sau khi kết hôn anh chị

chung sống cùng gia đình chồng tại Thôn L, xã P, huyện C, tỉnh T. Vợ chồng anh sống hòa thuận đến tháng 5 năm 2018 chị T đi làm công nhân tại tỉnh B thì quan điểm sống và cách sống vợ chồng khác biệt nhau, hai vợ chồng không còn tin tưởng nhau nên thường xuyên cãi vã, không có tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên bảo, hòa giải để cùng nhau khắc phục mâu thuẫn nhưng không thành. Anh nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, tình trạng hôn nhân trở nên trầm trọng. Anh và chị T đã ly thân từ tháng 5 năm 2018 đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với chị Lý Thị T.

- Về con chung: Anh và chị T có 01 con chung là Nông Lý Thảo U, sinh ngày 17/5/2016. Nay ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu U và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo, triệu tập chị Lý Thị T đến để giải quyết việc anh N đề nghị ly hôn nhưng chị T đều không có mặt. Qua xác minh tại địa phương thì hiện nay chị T vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn L, xã P, huyện C, tỉnh T. Theo lời khai của bà Bàn Thị V (mẹ đẻ của chị Lý Thị T) thì anh Nông Văn N và chị Lý Thị T được tự nguyện đăng ký kết hôn và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập địa phương. Quá trình chung sống anh N, chị T có mâu thuẫn gì không bà không biết vì sau khi kết hôn, anh N chị T chung sống tại Chiêm Hóa, bà chỉ nghe nói hiện nay chị T và anh N sống ly thân. Khoảng tháng 2 năm 2020 âm lịch chị T có về nhà bà để dự đám cưới chị gái, bà có hỏi về tình cảm vợ chồng với anh N như thế nào thì chị T nói là tình cảm vợ chồng đã hết và không thể tiếp tục chung sống với anh N được. Chị T và anh N có 01 người con chung, hiện đang sống cùng anh N. Chị T, anh N có tài sản chung và nợ chung không thì bà không biết. Hiện nay chị T đi làm ăn xa không nói cụ thể ở đâu và ít về gia đình.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, áp dụng các Điều 51, 53, 56 và 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, các Điều 143, 144, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” của anh Nông Văn N. Cho anh Nông Văn N được ly hôn với chị Lý Thị T.

- Về con chung: Giao cháu Nông Lý Thảo U, sinh ngày 17/5/2016 cho anh Nông Văn N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Lý Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nông Văn N không đề nghị Tòa án giải quyết, do vậy không xem xét.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Anh Nông Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (trong vụ án ly hôn) theo quy định. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng.

Anh Nông Văn N khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang giải quyết ly hôn với chị Lý Thị T; chị Lý Thị T có hộ khẩu thường trú tại Thôn L, xã P, huyện C, tỉnh T. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

Quá trình xác minh tại địa phương cho thấy, chị Lý Thị T có hộ khẩu thường trú tại Thôn L, xã P, huyện C, tỉnh T. Chị T thường xuyên đi làm ăn xa nhưng không thông báo địa chỉ mới nên hiện tại không rõ chị T đang ở đâu. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo, triệu tập cho chị T nhưng chị T không đến Tòa án và cũng không thông báo địa chỉ nơi ở và nơi làm việc, đây được xem là trường hợp người bị kiện cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; thực hiện các thủ tục niêm yết, tổng đạt văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, tuy nhiên bị đơn chị Lý Thị T vẫn vắng mặt lần thứ hai, anh Nông Văn N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nông Văn N và chị Lý Thị T có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình; có đăng ký kết hôn vào ngày 12/11/2015 tại UBND xã P, huyện C, tỉnh T nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống vợ chồng sống hòa thuận đến tháng 5 năm 2018

phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là anh N, chị T không tin tưởng nhau, quan điểm sống và cách sống giữa hai vợ chồng khác biệt nhau dẫn đến thường xuyên cãi vã. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không khắc phục được mâu thuẫn. Do cả hai không cùng chung sống, không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và đã ly thân từ tháng 5 năm 2018 nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được. Như vậy, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình thì tình trạng hôn nhân của anh N, chị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nông Văn N, xử cho anh N được ly hôn với chị Lý Thị T.

[2.2] Về con chung: Anh Nông Văn N và chị Lý Thị T có 01 con chung là Nông Lý Thảo U, sinh ngày 17/5/2016. Xét thấy hiện chị Lý Thị T không có địa chỉ cư trú rõ ràng nên cần giao cháu U cho anh Nông Văn N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp có sự thay đổi về điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ảnh hưởng đến quyền lợi về mọi mặt của con và các bên đương sự có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nông Văn N không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Anh Nông Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (trong vụ án ly hôn); các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” của anh Nông Văn N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nông Văn N được ly hôn với chị Lý Thị T.

2. Về con chung: Giao cháu Nông Lý Thảo U, sinh ngày 17/5/2016 cho

anh Nông Văn N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Lý Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm (trong vụ án ly hôn): Anh Nông Văn N phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0002876 ngày 16 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa. Chị Lý Thị T không phải chịu án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Nông Văn N và chị Lý Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Chiêm Hóa;
- UBND xã P, huyện C (Nơi ĐKKH);
- Chi cục THADS huyện Chiêm Hóa;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phúc An Hoàn